

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lương Mạnh Tường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Ông Đào Sỹ Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Ph, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở tại: Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa chị T có đơn xin xử vắng mặt, anh Ch có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơnChị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ch lấy nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình năm 2015 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại Thôn Ph, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng không tin

tưởng nhau về mặt tình cảm. Hiện nay chị cùng các con đã bỏ về xã K là nhà mẹ đẻ chị ở, anh chị ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Chtrầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Chđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và Anh Nguyễn Văn Ch có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2015 và cháu Nguyễn Phạm Huyền Tr, sinh ngày 28/4/2019. Hiện cháu Trđang ở với chị còn cháu Đđang ở với anh Chinh. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai cháu và chị không yêu cầu anh Chcấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Ngoài raChị Phạm Thị T xác nhận trước khi chị và Anh Nguyễn Văn Ch kết hôn thì chị đã có 01 con riêng là cháu Phan Xuân Ph, sinh ngày 06/05/2009 hiện đang do bố mẹ đẻ chị nuôi còn anh Ch có 01 con riêng là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 30/10/2010, hiện đang ở với anh Ch.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Nguyễn Văn Ch thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2021 và quá trình Tòa giải quyết: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên theo anh là vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn, anh có quan hệ bên ngoài nhưng vẫn quan tâm chăm lo cho vợ con. Nay Chị Phạm Thị T xin ly hôn thì anh không đồng ý, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2015 và cháu Nguyễn Phạm Huyền Tr, sinh ngày 28/04/2019. Nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh xin nuôi 1 cháu là cháu Đ còn cháu Tr để chị T nuôi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện củaChị Phạm Thị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tuy nhiên, chị Tvà anh Chkhông thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị Tvẫn giữ quan điểm xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn Ch. Về con chung: Chị thay đổi xin nuôi cháu Trang, còn để anh Chnuôi cháu Đạt. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại phiên tòa: anh Chthừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do tháng 5/2021 chị Tngoại tình và dẫn trai về nhà ngủ bị anh bắt quả tang, anh có gọi hàng xóm và trưởng thôn đến chứng kiến nhưng không có lập biên bản gì vì anh muốn giải quyết nội bộ gia đình. Bản thân anh cũng có quan hệ với người khác nhưng anh

đã chấm dứt. Do xấu hổ nên tháng 6/2021 chị Tđã xin về bên mẹ đẻ chơi và không quay về nữa. Nay chị Txin ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị Tvà anh muốn đoàn tụ để các con đỡ khổ. Về con chung: Nếu chị Tcương quyết xin ly hôn với anh thì anh xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị Tcấp dưỡng nuôi con. Anh cho rằng chị Tkhông đảm bảo các điều kiện về sức khỏe, kinh tế và tư cách đạo đức để nuôi dạy con anh. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn đã có đơn xin xử vắng mặt.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị T. Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị T và Anh Nguyễn Văn Ch.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Phạm Huyền Tr, sinh ngày 28/04/2019 cho chị Tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2015 cho anh C tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Phạm Thị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Phạm Thị T và Anh Nguyễn Văn Ch là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh Ch thường xảy ra xung đột. Đối với anh Ch không muốn ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên trong thời gian hai vợ chồng ly thân anh Ch cũng không có biện pháp tác động để cải thiện tình cảm vợ chồng. Theo chị Tanh Chinh còn thường xuyên nhắn tin cũng như điện thoại đe dọa chị. Tại phiên tòa anh Ch cũng thừa nhận anh chị có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng nên mới dẫn đến chị T và anh ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh Ch là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Phạm Thị T và Anh Nguyễn Văn Ch có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2015 và cháu Nguyễn Phạm Huyền Tr, sinh ngày 28/04/2019. Nguyên vọng của chị Tsau khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Tr còn cháu Để anh Ch nuôi. Nguyên vọng của anh Ch xin được

nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh Ch và chị T đều khỏe mạnh, có thu nhập, các cháu đã đến tuổi đi học rất cần sự chăm sóc của bố mẹ, cháu Tr là con gái lại còn nhỏ vì vậy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. anh Ch không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị T không có các điều kiện về sức khỏe, kinh tế, đạo đức để nuôi dạy con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của hai cháu nên giao cháu Nguyễn Phạm Huyền Tr, sinh ngày 28/04/2019 cho Chị Phạm Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2015 cho Anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị T. Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị T và Anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Huyền Tr, sinh ngày 28/04/2019 cho Chị Phạm Thị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/12/2015 cho Anh Nguyễn Văn Ch tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số AA/2021/0003266 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: anh Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã K.
- UBND xã V
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH